BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94138: KIẾN TRÚC CẢNH QUAN (LANDSCAPE ARCHITECTURE)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 08
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 3 (Lý thuyết 2 - Thực hành 1)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  + Học lý thuyết trên lớp / trực tuyến: 25 tiết
  + Thuyết trình và thảo luận (seminar) trên lớp / trực tuyến: 05 tiết
  + Thực hành/thực tập/thí nghiệm trong trường: 15 tiết
- Giờ tự học: 105 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên).
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Quy hoạch đất đai.
  - Khoa: Tài nguyên và Môi trường.
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên sâu ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

Chuẩn đầu ra: Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**
Kiến thức chung		
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị	Chỉ báo 1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị	P
Kiến thức chuyên môn		
CĐR3: Phân tích công tác Quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	Chỉ báo 3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	P

Chuẩn đầu ra: Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT
CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu	Chỉ báo 4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu	R
Kỹ năng chuyên môn		
CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị	Chỉ báo 6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị	P
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn - giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	Chỉ báo 7.1. Làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong nhóm; thích ứng với môi trường làm việc thay đổi; thể hiện tác phong chuyên nghiệp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.	P

**** Mục tiêu***:

- Kiến thức: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan, bao gồm: Khái niệm, vai trò và phạm vi của kiến trúc cảnh quan; Các nguyên lý tổ chức không gian cảnh quan và các thành phần tạo lập cảnh quan đô thị; Đặc trưng tự nhiên - sinh thái - nhân văn của cảnh quan trong các bối cảnh vùng và đô thị; Công cụ và phương pháp đánh giá cảnh quan phục vụ công tác quy hoạch; Giải pháp tổ chức không gian xanh và hạ tầng xanh phù hợp với đặc điểm địa phương.

- Kỹ năng: Học phần nhằm giúp cho sinh viên nắm được phương pháp phân tích một khu vực thực tế và đề xuất ý tưởng cảnh quan.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học phần giúp sinh viên làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong nhóm. thể hiện tác phong chuyên nghiệp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

**** Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần *Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được*	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực kiến trúc cảnh quan	Chỉ báo 1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị
K2	Phân tích công tác kiến trúc cảnh quan để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	Chỉ báo 3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần *Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được*	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
K3	Đề xuất giải pháp quản lý, kiến trúc cảnh quan đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu	Chỉ báo 4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu
Kỹ năng		
K4	Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kiến trúc cảnh quan	Chỉ báo 6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn - giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực kiến trúc cảnh quan	Chỉ báo 7.1. Làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong nhóm; thích ứng với môi trường làm việc thay đổi; thể hiện tác phong chuyên nghiệp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94138 - Kiến trúc cảnh quan (Landscape architecture) ((Tổng số tín chỉ: 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết: 2 - Tổng số tín chỉ thực hành: 1 - Tổng số giờ tự học: 105 tiết)**)**

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm: Tổng quan về cảnh quan và kiến trúc cảnh quan; Thành phần tự nhiên của cảnh quan: địa hình, thổ nhưỡng, thủy văn, vi khí hậu; Thành phần nhân tạo: không gian công cộng, hệ thống cây xanh, mặt nước đô thị; Nguyên lý tổ chức không gian cảnh quan; Phương pháp phân tích và đánh giá cảnh quan; Hệ thống hạ tầng xanh trong quy hoạch; Ứng dụng kiến trúc cảnh quan trong quy hoạch vùng và đô thị; Bài tập phân tích cảnh quan và đề xuất ý tưởng tổ chức cảnh quan.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến).
- Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy.
- Giảng dạy thông qua thảo luận.
- Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông.
- Giảng dạy thông qua làm bài tập tiểu luận.
- Giảng dạy thông qua thực hành.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên nghe giảng trên lớp.
- Sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo môn học.
- Sinh viên chủ động đặt câu hỏi và xử lý câu hỏi.
- Sinh viên thảo luận và làm việc nhóm;
- Sinh viên hoàn thành bài tập tiểu luận và bài thực hành.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số tiết học lý thuyết theo quy định (trên lớp hoặc trực tuyến).

- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải có giáo trình / bài giảng môn học, đọc giáo trình, tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu trước mỗi buổi học.

- Kiểm tra giữa kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải làm bài kiểm tra giữa kỳ môn học do giáo viên giảng dạy quy định.

- Bài tập tiểu luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành Bài tập tiểu luận môn học do giáo viên giảng dạy quy định.

- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự và hoàn thành bài thực hành môn học do giáo viên giảng dạy quy định.

- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia và làm bài thi cuối kỳ.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các hoạt động đánh giá nhân với trọng số tương ứng

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian / Tuần học
Đánh giá chuyên cần	K1, K2, K3, K5	***10***	Theo lịch Học viện
Đánh giá thường xuyên		***30***	
- Kiểm tra giữa kỳ	K1, K2, K3	20	Kết thúc chương 1-2
- Bài tập Tiểu luận	K1, K2, K3, K4, K5	30	Kết thúc chương 3
- Bài Thực hành	K1, K2, K3, K4	50	Kết thúc thực hành
Đánh giá cuối kỳ		***60***	
Thi kết thúc học phần (Trắc nghiệm / Tự luận)	K1, K2, K3	100	Theo lịch Học viện

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

(Chỉ dùng cho hình thức đánh giá trắc nghiệm/tự luận/ vấn đáp)

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	- Chỉ báo 1: Áp dụng kiến thức lý luận về kiến trúc cảnh quan - Chỉ báo 2: Áp dụng cơ sở tự nhiên và sinh thái cảnh quan - Chỉ báo 3: Áp dụng các phương pháp phân tích và đánh giá cảnh quan
K2	- Chỉ báo 4: Phân tích thành phần nhân tạo và hệ thống không gian xanh đô thị - Chỉ báo 5: Phân tích nguyên lý tổ chức không gian cảnh quan - Chỉ báo 6: Phân tích Hạ tầng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu
K3	- Chỉ báo 7: Đề xuất thiết kế cảnh quan trong quy hoạch vùng và đô thị. - Chỉ báo 8: Đề xuất thiết kế tổ chức không gian xanh và hạ tầng xanh phù hợp với đặc điểm địa phương.

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10 điểm)	Khá (6,5-8,4 điểm)	Trung bình (4,0-6,4 điểm)	Không đạt (0-3,9 điểm)
Thời gian tham dự	50%	Tham dự từ 29-30 tiết	Tham dự từ 26-28 tiết	Tham dự từ 22-25 tiết	Tham dự < 22 tiết
Thái độ tham dự	50%	Tích cực tham gia vào giờ giảng	Có ý thức tham gia vào giờ giảng	Không chủ động tham gia vào giờ giảng	Không tham gia vào giờ giảng

Rubric 2: Bài tập tiểu luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10 điểm)	Khá (6,5-8,4 điểm)	Trung bình (4,0-6,4 điểm)	Không đạt (0-3,9 điểm)
Hình thức tiểu luận	20%	Hình thức rõ ràng (a), trình bày sạch đẹp (b), đầy đủ thông tin tiểu luận (c)	Đạt 2/3 nội dung (a), (b), (c)	Đạt 1/3 nội dung (a), (b), (c)	Không đạt cả 3 nội dung (a), (b), (c)
Cấu trúc tiểu luận	20%	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung tiểu luận	60%	Đạt > 85% yêu cầu	Đạt từ 65-85% yêu cầu	Đạt 40-65% yêu cầu	Đạt <40% yêu cầu

Rubric 3: Bài thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10 điểm)	Khá (6,5-8,4 điểm)	Trung bình (4,0-6,4 điểm)	Không đạt (0-3,9 điểm)
Nội dung thực hành (02 bài thực hành)	100%	Đạt > 85% yêu cầu	Đạt từ 65-85% yêu cầu	Đạt 40-65% yêu cầu	Đạt <40% yêu cầu

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- *Nộp bài tập chậm*: Tất cả các trường hợp nộp bài tập tiểu luận chậm đều bị trừ điểm do giáo viên giảng dạy quy định.

- *Tham dự các bài thi*: Không tham gia bài thì giữa kì sẽ bị tính 0 (không) điểm và đánh giá về thái độ học tập.

- *Bài thực hành*: Sinh viên phải hoàn thành đầy đủ các bài thực hành mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

- *Yêu cầu về đạo đức*: Tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

**** Sách giáo trình/Bài giảng:***

Hàn Tất Ngạn (2025). *Kiến trúc cảnh quan*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

Nguyễn Quang Học và cs. (2025). *Bài giảng Kiến trúc cảnh quan*, Bộ môn Quy hoạch đất đai, Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo khác:***

Nguyễn Thị Thanh Thủy và Tôn Ánh Hồng (2023). *Kiến trúc cảnh quan Việt Nam truyền thống vfa hiện đại*. NXB Học viện Nông Nghiệp, Hà Nội.

Đỗ Văn Nhạ và cs. (2021). *Giáo trình Quy hoạch cảnh quan*. NXB Học viện Nông Nghiệp, Hà Nội.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHT MĐ của học phần
1-2	***Chương 1. Tổng quan về kiến trúc cảnh quan***			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(08 tiết)* ***1.1. Cơ sở lý luận về kiến trúc cảnh quan*** 1.1.1. Khái niệm - đối tượng - phạm vi nghiên cứu. 1.1.2. Lịch sử và sự phát triển của kiến trúc cảnh quan trên thế giới và Việt Nam. 1.1.3. Vai trò của kiến trúc cảnh quan trong quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị. 1.1.4. Các xu hướng mới trên thế giới và Việt Nam ***1.2. Cơ sở tự nhiên và sinh thái cảnh quan*** 1.2.1. Địa mạo, địa hình và cấu trúc không gian tự nhiên. 1.2.2. Thổ nhưỡng và lớp phủ bề mặt. 1.2.3. Hệ thống thủy văn - mặt nước trong vùng và đô thị. 1.2.4. Hệ sinh thái đô thị, chỉ số sinh thái. 1.2.5. Phương pháp đánh giá tài nguyên cảnh quan tự nhiên. ***1.3. Thành phần nhân tạo của cảnh quan đô thị*** 1.3.1. Công trình kiến trúc và vai trò tạo hình trong cảnh quan. 1.3.2. Không gian công cộng: quảng trường, tuyến đi bộ, phố thương mại. 1.3.3. Hệ thống công viên - mảng xanh - vườn hoa. 1.3.4. Cảnh quan giao thông; hành lang xanh - tuyến cây xanh. 1.3.5. Mặt nước nhân tạo: hồ điều hòa, kênh mương cải tạo, biển cảnh quan. ***1.4. Hệ thống không gian xanh đô thị*** 1.4.1. Phân loại hệ thống cây xanh theo cấp độ quy hoạch. 1.4.2. Chỉ tiêu, định mức, tiêu chuẩn (TCVN, tiêu chuẩn quốc tế). 1.4.3. Mô hình tổ chức công viên các cấp. 1.4.4. Không gian xanh trong khu ở, khu công nghiệp và khu du lịch sinh thái. 1.4.5. Chỉ số xanh theo tiêu chuẩn quốc tế và Việt Nam.	- Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến). - Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy. - Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông.	- Đánh giá chuyên cần. - Kiểm tra giữa kỳ. - Thi kết thúc học phần.	K1
	Nội dung semina / thảo luận / Project / sử dụng hệ thống LMS: *(02 tiết)* *- Kiến trúc cảnh quan trên thế giới và Việt Nam*	- Giảng dạy thông qua thảo luận.	- Đánh giá chuyên cần.	K1, K4

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHT MĐ của học phần
	Nội dung tự học: *(24 tiết)* - Nghiên cứu, tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến bài giảng.	- Tìm hiểu trước bài giảng. - Tự nghiên cứu tài liệu.	- Đánh giá chuyên cần. - Kiểm tra giữa kỳ.	K4, K5
3-4	***Chương 2. Phương pháp phân tích và đánh giá cảnh quan***			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(05 tiết)* 2.1. Phân tích đặc trưng cảnh quan 2.2. Phân tích cấu trúc cảnh quan bằng GIS. 2.3. Đánh giá thích hợp đất, đánh giá khả năng chịu tải. 2.4. Nhận diện vấn đề cảnh quan (khu vực tập trung mức độ cao của một hiện tượng quan trọng, khu vực nhạy cảm). 2.5. Tích hợp phân tích cảnh quan vào đề xuất quy hoạch.	- Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến). - Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy. - Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông.	- Đánh giá chuyên cần. - Kiểm tra giữa kỳ. - Thi kết thúc học phần.	K1, K2
	Nội dung semina / thảo luận / Project / sử dụng hệ thống LMS: *(01 tiết)* *- Vận dụng Phương pháp phân tích và đánh giá cảnh quan vào thực tế.*	- Giảng dạy thông qua thảo luận.	- Đánh giá chuyên cần.	K1, K2, K4
	Nội dung tự học: *(16 tiết)* - Nghiên cứu, tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến bài giảng.	- Tìm hiểu trước bài giảng. - Tự nghiên cứu tài liệu.	- Đánh giá chuyên cần. - Kiểm tra giữa kỳ.	K4, K5
4-6	***Chương 3. Nội dung kiến trúc cảnh quan***			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(12 tiết)* ***3.1. Nguyên lý tổ chức không gian cảnh quan*** 3.1.1. Nguyên tắc bố cục: điểm, tuyến, vùng, mảng cảnh quan. 3.1.2. Tổ chức theo lát cắt và mặt bằng. 3.1.3. Kết nối cảnh quan và tổ chức trải nghiệm không gian. 3.1.4. Hình ảnh đô thị và cấu trúc thị giác. ***3.2. Hạ tầng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu*** 3.2.1. Khái niệm hạ tầng xanh - nền tảng sinh thái trong đô thị. 3.2.2. Giảm ngập đô thị: hồ điều hòa, công viên mưa, bờ kè sinh thái. 3.2.3. Giảm hiệu ứng đảo nhiệt và tăng tính chống chịu khí hậu. 3.2.4. Tích hợp giải pháp xanh - lam vào quy hoạch các cấp.	- Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến). - Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy. - Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. - Giảng dạy thông qua làm bài tập tiểu luận.	- Đánh giá chuyên cần. - Bài tập tiểu luận. - Thi kết thúc học phần.	K2, K3

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHT MĐ của học phần
	3.3. Thiết kế cảnh quan trong quy hoạch vùng và đô thị 3.3.1. Thiết kế cảnh quan cho công viên, quảng trường, bờ sông, trục chính đô thị. 3.3.2. Định hướng kiến trúc cảnh quan trong đồ án quy hoạch chung và quy hoạch phân khu.			
	Nội dung semina / thảo luận / Project / sử dụng hệ thống LMS: *(02 tiết)* *- Áp dụng các nội dung của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong thực tế các cấp.*	- Giảng dạy thông qua thảo luận.	- Đánh giá chuyên cần.	K2, K3, K4
	Nội dung tự học: *(30 tiết)* - Nghiên cứu, tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến bài giảng. - Hoàn thành Bài tập tiểu luận.	- Tìm hiểu trước bài giảng. - Tự nghiên cứu tài liệu.	- Đánh giá chuyên cần. - Bài tập tiểu luận.	K4, K5
7-9	***Bài thực hành***			
	Nội dung giảng dạy thực hành: *(15 tiết)* Phân tích một khu vực thực tế và đề xuất ý tưởng cảnh quan ***Bài 1. Khảo sát và Phân tích hiện trạng khu vực nghiên cứu*** - Mục tiêu: Hiểu khu vực - nền tảng cho mọi quyết định thiết kế - Nội dung: Giới thiệu khu vực; Điều kiện tự nhiên; Hiện trạng sử dụng đất và công trình; Hệ sinh thái và thảm thực vật; Văn hóa - xã hội; Phân tích vấn đề và cơ hội (SWOT) - Sản phẩm: bản đồ phân tích, bảng vấn đề, ảnh minh họa, kết luận định hướng ***Bài 2. Xây dựng ý tưởng và định hướng thiết kế cảnh quan*** - Mục tiêu: Từ phân tích để đưa ra ý tưởng cảnh quan phù hợp bối cảnh - Nội dung: Tầm nhìn thiết kế; Thiết kế chính; Phân khu chức năng; Ý tưởng kết nối và giao thông nội bộ; Ý tưởng cảnh quan chính; Moodboard và tham chiếu - Sản phẩm: Bảng thể hiện ý tưởng cốt lõi của dự án bằng hình ảnh, Bản đồ phân khu chức năng, Thể hiện không khí - cảm giác - thẩm mỹ mà bạn muốn người xem cảm nhận, Bản thuyết minh ý tưởng ***Bài 3. Đề xuất thiết kế chi tiết*** - Mục tiêu: Chuyển ý tưởng thành bản thiết kế cụ thể để triển khai	- Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến). - Giảng dạy thông qua thực hành.	- Đánh giá chuyên cần. - Bài thực hành.	K4

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHT MĐ của học phần
	- Nội dung: Mặt bằng tổng thể thiết kế; Thiết kế không gian chi tiết; Danh mục cây xanh; Vật liệu và cấu kiện cảnh quan; Giải pháp môi trường - bền vững; Bản phác họa không gian 3 chiều hoặc phối cảnh minh họa; Ước tính khối lượng và chi phí - Sản phẩm: masterplan + mặt bằng chi tiết + phối cảnh + bảng danh mục cây + vật liệu			
	Nội dung tự học: *(35 tiết)* - Nghiên cứu, tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến bài giảng. - Hoàn thành Bài thực hành.	- Tìm hiểu trước bài giảng. - Tự nghiên cứu tài liệu.	- Đánh giá chuyên cần. - Bài thực hành.	K4, K5

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: theo quy định và điều kiện của Học viện.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Giáo trình, máy chiếu...
- Các phương tiện khác: Dụng cụ và đồ dùng học tập.
- Hệ thống LMS: máy tính bàn / xách tay, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG BỘ MÔN	**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**
PGS.TS. Đỗ Văn Nhạ	**PGS.TS. Nguyễn Quang Học**
KT. TRƯỞNG KHOA **PHÓ TRƯỞNG KHOA**	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
PGS.TS. Trần Quốc Vinh	**GS.TS. Phạm Văn Cường**

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: NGUYỄN QUANG HỌC	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912326385
Email: nqhoc@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: ĐỖ VĂN NHẠ	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0353383368
Email: dovannha@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: ĐỖ THỊ TÁM	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0986739960
Email: dttam@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: NGUYỄN TUẤN ANH	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912784627
Email: nn1ntanh78@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo quy định của Học viện)

Lần 1 (11/2025): Đề cương xây dựng mở cho ngành mở mới Quy hoạch vùng và đô thị